

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2023/DS-PT

Ngày 29-3-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Những.

*Các Thẩm phán:*

Ông Trần Trọng Nhân.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thành Q, sinh năm 1966, địa chỉ: Số nhà A, ấp S, xã Y, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Ông Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1966.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Trương Thị Kim L, sinh năm 1968 (*Theo Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2023*).

2. Bà Trương Thị Kim L, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Số nhà B, ấp O, xã X, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số M, ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

*Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trương Thị Kim L.

(Bà Q, bà L, bà T có mặt; ông D vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thành Q trình bày:*

Ngày 19/12/2019, bà Trương Thành Q cho vợ chồng ông Huỳnh Ngọc D và bà Trương Thị Kim L vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 1%/tháng (theo đơn khởi kiện thì lãi suất 3%/tháng), thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay tiền là để ông D và bà L làm ăn, bà L có viết và ký giấy mượn tiền. Bà L hứa sau khi bán nhà sẽ trả tiền vay và tiền lãi cho bà Q. Sau khi vay tiền và cho đến nay, ông D và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay và tiền lãi cho bà Q. Nay bà Q yêu cầu ông D và bà L trả cho bà Q số tiền vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

*Bị đơn bà Trương Thị Kim L trình bày:*

Ngày 19/12/2019, bà L có vay của bà Q số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay tiền là để cho con bà L làm vốn mua bán thanh long, bà L có viết và ký giấy mượn tiền.

Ngày 29/12/2019, bà L có vay thêm của bà Q số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay tiền là để cho con bà L làm vốn mua bán thanh long, bà Q yêu cầu bà L viết và ký giấy mượn tiền, cộng với số tiền vay ngày 19/12/2019, nên viết chung giấy nợ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Bà L trả lãi cho bà Q mỗi tháng với số tiền là 12.000.000 đồng, trả lãi từ ngày 29/01/2020 đến ngày 29/01/2021.

Từ ngày 29/02/2021, bà L làm ăn thất bại, kinh tế khó khăn nên không có tiền trả lãi cho bà Q. Ngày 29/4/2021, bà Q cho bà L trả dần mỗi tháng với số tiền là 15.000.000 đồng. Bà L đã trả cho bà Q được 06 tháng với số tiền là 78.000.000 đồng, bà L không còn khả năng trả nữa nên bà Q giảm nợ cho bà L với số tiền là 100.000.000 đồng. Ngày 27/10/2021, bà L trả cho bà Q số tiền 20.000.000 đồng là hết nợ, bà Q trả lại giấy nợ cho bà L. Khi bà L trả tiền lãi và tiền vay cho bà Q, bà L không yêu cầu bà Q ký nhận, nên không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Nay bà L không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà Q, bà L đồng ý trả cho bà Q số tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng vay ngày 29/01/2019 là 40.000.000 đồng (50.000.000 đồng x 10 tháng x 8%/tháng). Ông D không biết việc vay tiền giữa bà L và bà Q.

Bị đơn là ông Huỳnh Ngọc D không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu trả tiền vay của bà Trương Thành Q, buộc bà Trương Thị Kim L và ông Huỳnh Ngọc D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thành Q số tiền vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành hoàn tất số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền vay theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Trương Thành Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà Trương Thành Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008084 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

Bà Trương Thị Kim L và ông Huỳnh Ngọc D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật, ngày 10/01/2023, bị đơn bà Trương Thị Kim L kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm bà L chỉ chấp nhận trả thêm số tiền lãi là 40.000.000 đồng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn Trương Thị Kim L trình bày, nội dung trình bày như ở cấp sơ thẩm.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim T trình bày: Giữa bà với bà L và bà Q không có bà con hay thân thích, bà chỉ buôn bán gần với bà L tại chợ thì bà có nghe bà Q đòi nợ bà L và bà Q có yêu cầu bà L trả cho bà Q 20.000.000 đồng nữa thôi còn lại bao nhiêu xóa hết nợ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét

xử phúc thẩm vụ việc. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà Trương Thành Q khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Kim L, ông Huỳnh Ngọc D liên đới trả 150.000.000 đồng tiền vay không yêu cầu tính lãi. Bà Trương Thị Kim L chỉ đồng ý trả 40.000.000 đồng. Xét thấy “Giấy mượn tiền” đề ngày 19/12/2019 do bà Trương Thành Q cung cấp là bản pho to thể hiện nội dung bà L có vay của bà Q 150.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, không thể hiện lãi suất. Bà L thừa nhận việc có mượn bà Q số tiền này, chữ ký và họ tên là của bà L. Như vậy có cơ sở xác định bà L có vay của bà Q 150.000.000 đồng.

Bà L trình bày ngày 29/12/2019 bà có vay thêm bà Q 50.000.000 đồng và có viết giấy nợ cộng dồn thành 200.000.000 đồng và có cung cấp “Giấy mượn tiền” pho to đề ngày 29/12/2019. Bà L cho rằng đã trả lãi cho bà Q mỗi tháng với số tiền là 12.000.000 đồng từ ngày 29/01/2020 đến ngày 29/01/2021 sau đó hết khả năng chi trả. Ngày 29/4/2021, bà Q cho bà L trả dần mỗi tháng 15.000.000 đồng. Bà L đã trả cho bà Q được 06 tháng với số tiền là 78.000.000 đồng, bà L không còn khả năng trả nữa nên bà Q giảm nợ cho bà L với số tiền là 100.000.000 đồng. Ngày 27/10/2021, bà L trả cho bà Q số tiền là 20.000.000 đồng là hết nợ, bà Q trả lại giấy nợ cho bà L. Mặc dù bà L không có chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ và việc bà Q giảm nợ tuy nhiên bà L trình bày đã trả hết nợ nên bà Q đã trả lại giấy nợ cho bà L.

Xét thấy, bà Q khởi kiện chỉ cung cấp giấy mượn tiền bản pho to mà không cung cấp được bản chính nên chưa đủ cơ sở xác định là chứng cứ (theo quy định tại khoản 4 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015), như vậy lời trình bày của bà L là có cơ sở. Quá trình Tòa án giải quyết bà L tự nguyện trả cho bà Q 40.000.000 đồng tiền lãi nên ghi nhận sự tự nguyện này của bà L.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: chấp nhận kháng cáo bà Trương Thị Kim L. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 01 năm 2023 bà Trương Thị Kim L kháng cáo đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 70, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Huỳnh Ngọc D có văn bản ủy quyền cho bà Trương Thị Kim L và xin vắng mặt trong quá trình xét xử tại cấp phúc thẩm. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Huỳnh Ngọc D.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Bà Trương Thị Kim L kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ 150.000.000 đồng, nguyên đơn cung cấp giấy mượn tiền ngày 19/12/2019, có chữ ký và chữ viết của bà L, bà L cũng thừa nhận do bà viết và ký tên. Tuy nhiên bà L cho rằng sau đó ngày 29/12/2019 bà có vay thêm của bà Q 50.000.000 đồng nữa, nên viết giấy nợ cộng dồn thành 200.000.000 đồng và có cung cấp “Giấy mượn tiền” photo đề ngày 29/12/2019. Bà L cho rằng đã trả lãi cho bà Q mỗi tháng với số tiền là 12.000.000 đồng từ ngày 29/01/2020 đến ngày 29/01/2021 sau đó hết khả năng chi trả. Ngày 29/4/2021, bà Q cho bà L trả dần mỗi tháng 15.000.000 đồng. Bà L đã trả cho bà Q được 06 tháng với số tiền là 78.000.000 đồng, bà L không còn khả năng trả nữa nên bà Q giảm nợ cho bà L với số tiền là 100.000.000 đồng. Ngày 27/10/2021, bà L trả cho bà Q số tiền là 20.000.000 đồng là hết nợ, bà Q trả lại giấy nợ cho bà L. Nay bà L thừa nhận chỉ còn nợ bà Q 40.000.000 đồng tiền lãi. Bà Q không thừa nhận “Giấy mượn tiền” ngày 29/12/2019” là do bà L vay thêm 50.000.000 đồng cộng dồn thành 200.000.000 đồng, cũng như việc bà L trả lãi và trả dần nợ vốn gốc cho bà, giấy mượn tiền trên bà hoàn toàn không biết, bà chỉ biết giấy nợ ngày 19/12/2019 của số tiền 150.000.000 đồng và quá trình vay bà L cũng chưa trả vốn hay lãi gì cho bà đồng nào cả.

Do trong giấy nợ với số tiền 200.000.000 đồng không ghi nhận việc giảm tiền, không ghi nhận việc bà L đã trả tiền, không có chữ ký, chữ viết của bà Q và cũng không có căn cứ giấy nợ trên là do bà Q giao lại cho bà L.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn bà Trương Thị Kim L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, tại phiên tòa người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim T trình bày giữa bà với bà L và bà Q không có bà con hay thân thích, bà chỉ buôn bán gần với bà L tại chợ thì bà có nghe bà Q đòi nợ bà L và bà Q có yêu cầu bà L trả cho bà Q 20.000.000 đồng nữa thôi còn lại bao nhiêu xóa hết nợ, ngoài ra bà không biết gì khác. Lời trình bày của nhân chứng cũng chưa đủ cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà L.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Trương Thị Kim L không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Kim L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu trả tiền vay của bà Trương Thành Q, buộc bà Trương Thị Kim L và ông Huỳnh Ngọc D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thành Q số tiền vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành hoàn tất số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền vay theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thành Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà Trương Thành Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008084 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

Bà Trương Thị Kim L và ông Huỳnh Ngọc D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Do bà Trương Thị Kim L có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006574 ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, số tiền trên được chuyển sang án phí, bà Trương Thị Kim L không phải nộp tiếp.

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu thi hành ngay sau khi tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Nhữ**